
MỤC LỤC

PHẦN 1	1
MỞ ĐẦU	1
1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng	1
2. Sự cần thiết xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững	1
Chương 1 CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	4
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC	4
1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương	4
2. Văn bản của địa phương	5
II. CAM KẾT QUỐC TẾ	6
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	7
1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng	7
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề năm 2020	7
3. Bản đồ	7
4. Các tài liệu khác	7
Chương 2	8
ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA BAN QUẢN LÝ	8
RỪNG ĐẶC DỤNG – PHÒNG HỘ THUẬN CHÂU	8
I. THÔNG TIN CHUNG	8
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHƯỜNG	12
1. Vị trí địa lý, địa hình	12
2. Khí hậu	13
3. Thủy văn	15
4. Địa chất và thổ nhưỡng	15
III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI	17
1. Dân số, dân tộc, lao động	17
2. Kinh tế	18
3. Xã hội	23
IV. GIAO THÔNG	29
1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực	29
2. Hệ thống giao thông đường thủy	30
V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	30
1. Những loại dịch vụ môi trường rừng mà Ban quản lý đang triển khai thực hiện	30
2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường	33
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	33
1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của Ban quản lý	33
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất	34
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG	36
1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng	36
2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các trạng thái rừng	38
3. Hiện trạng lâm sản ngoài gỗ	39
VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN	41
1. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	41
2. Kết quả các chương trình, dự án, đề tài đã thực hiện	47

IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	51
1. Quản lý rừng tự nhiên.....	51
2. Quản lý rừng trồng	52
3. Công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.....	53
4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ	55
5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học.....	55
6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	63
IX-A. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA BAN QUẢN LÝ	65
1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	66
2. Phân khu phục hồi sinh thái.....	67
3. Phân khu dịch vụ hành chính.....	68
4. Vùng đệm	68
5. Đất rừng phòng hộ	69
6. Nhật xét thực trạng các phân khu, vùng đệm có những thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các hoạt động của đơn vị.....	70
IX-B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA BQL	72
1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công	72
2. Hạng mục nguồn kinh phí của BQL	73
3. Hạng mục các nguồn chi của của BQL, giai đoạn 2018 – 2020	73
Chương 3 MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN	76
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	76
1. Mục tiêu chung	76
2. Mục tiêu cụ thể	76
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	78
1. Kế hoạch sử dụng đất phân theo mục đích sử dụng đất đai	78
2. Kế hoạch sử dụng đất phân theo đơn vị hành chính.....	78
3. Kế hoạch sử dụng đất phân theo các khu chức năng của BQL	80
4. Kế hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ	83
III. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	84
1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng	84
2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý	86
IV. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	86
1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	86
2. Kế hoạch phát triển rừng	95
3. Kế hoạch khai thác lâm sản	103
4. Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực	104
5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.....	106
6. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp khu vực rừng phòng hộ.....	109
7. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng	110
8. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.....	119
9. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng	121
10. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng	124

11. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng	126
VI. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	130
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho phương án quản lý rừng bền vững	130
2. Vốn đầu tư phân theo giai đoạn thực hiện	131
3. Nguồn vốn đầu tư	131
VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	132
1. Giải pháp tổ chức, quản lý	132
2. Giải pháp phối hợp với các bên liên quan	133
3. Giải pháp về khoa học và công nghệ	133
4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư	134
5. Giải pháp về quản lý đất đai	135
6. Giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường	135
7. Giải pháp giảm tác động hoạt động của người dân đến BQL	135
8. Giải pháp về bảo tồn, phát huy di sản văn hóa truyền thống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	135
VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	136
1. Hiệu quả về kinh tế	136
2. Hiệu quả về xã hội	136
3. Hiệu quả về môi trường	137
Chương 4	138
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	138
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	138
1. Các cơ quan, đơn vị	138
2. Đối với BQL	139
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT	139
1. Mục tiêu	139
2. Các chỉ tiêu giám sát	140
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	140
1. Kết luận	140
2. Kiến nghị	141
PHẦN 2	142
HỆ THỐNG PHỤ LỤC, BIỂU, BẢN ĐỒ KÈM THEO	142

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2. 1. Dân số và lao động các xã thuộc lâm phận của	18
Bảng 2. 2. Thống kê diện tích canh tác bình quân của hộ gia đình thuộc các xã	21
Bảng 2. 3. Thống kê thu nhập bình quân trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp	23
Bảng 2. 4. Hệ thống giao thông đường bộ các xã có rừng thuộc Ban quản lý	29
Bảng 2. 5. Diện tích và đối tượng được chi trả dịch vụ môi trường rừng tại BQL	31
Bảng 2. 6. Các đối tượng nhận chi trả dịch vụ môi trường rừng tại BQL	31
Bảng 2. 7. Hiện trạng sử dụng đất của BQL theo đơn vị hành chính cấp xã	34
Bảng 2. 8. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp Ban quản lý rừng đặc dụng –	36
Bảng 2. 9. Tổng trữ lượng bình quân theo các trạng thái rừng	38
Bảng 2. 10. Thống kê hiện trạng cơ sở vật chất của Ban quản lý rừng đặc dụng –	41
Bảng 2. 11. Số lượng và dụng cụ, công cụ hỗ trợ, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ rừng	48
Bảng 2. 12. Phương tiện, trang thiết bị phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng	49
Bảng 2. 13. Kết quả thực hiện phát triển rừng 2015 – 2020	50
Bảng 2. 14. Danh mục các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm	58
Bảng 2. 15. Danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm	60
Bảng 2. 16. Hiện trạng các phân khu chức năng của ban quản lý	65
Bảng 2. 17. Tổng hợp các nguồn kinh phí hoạt động của BQL từ 2018 – 2020	73
Bảng 2. 18. Tổng hợp các nguồn chi hoạt động của BQL từ 2018 – 2020	74
Bảng 3. 1. Quy hoạch diện tích BQL quản lý, sử dụng đất đến năm 2030	78
Bảng 3. 2. Chu chuyển các phân khu chức năng rừng đặc dụng đến 2030	80
Bảng 3. 3. Diện tích và địa điểm khoanh nuôi tái sinh tự nhiên rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2030	95
Bảng 3. 4. Diện tích và địa điểm khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung rừng đặc dụng giai đoạn 2021 -2030	96
Bảng 3. 5. Diện tích và địa điểm làm giàu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2030	96
Bảng 3. 6. Diện tích và địa điểm khoanh nuôi tái sinh tự nhiên rừng phòng hộ giai đoạn 2021 - 2030	98
Bảng 3. 7. Diện tích và địa điểm làm giàu rừng phòng hộ giai đoạn 2021 - 2030	98
Bảng 3. 8. Diện tích và địa điểm trồng rừng tập trung rừng đặc dụng	100
Bảng 3. 10. Diện tích và địa điểm trồng lâm sản ngoài gỗ rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2030	100
Bảng 3. 11. Diện tích, địa điểm trồng rừng phòng hộ giai đoạn 2021 -2030	101
Bảng 3. 12. Diện tích, địa điểm trồng lâm sản ngoài gỗ rừng phòng hộ giai đoạn 2021 – 2030	102
Bảng 3. 13. Diện tích, địa điểm xây dựng vườn sưu tập và bảo vệ động, thực vật rừng bản địa theo phương án 1	112
Bảng 3. 14. Diện tích, địa điểm xây dựng vườn sưu tập bảo vệ động thực vật rừng bản địa theo phương án 2	112
Bảng 3. 15. Vị trí xây dựng và chiều dài tuyến đường băng xanh cản lửa giai đoạn 2021 - 2030	114
Bảng 3. 16. Vị trí xây dựng và chiều dài tuyến đường băng trắng cản lửa giai đoạn 2021 - 2030	115
Bảng 3. 17. Vị trí và tên tuyến đường băng cản lửa đã xây dựng cần được duy tu, bảo dưỡng	116
Bảng 3. 18. Phạm vi các thôn vùng đệm BQL thực hiện các dịch vụ cộng đồng	120
Bảng 3. 19. Diện tích, địa điểm bố trí quỹ đất trồng rừng giáo dục môi trường giai đoạn 2021 - 2030	125
Bảng 3. 20. Tổng hợp nguồn vốn đầu tư	131

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 2. 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng đặc dụng- phòng hộ	11
Hình 2. 2. Hiện trạng sử dụng đất của Ban quản lý phân theo đơn vị hành chính	35
Hình 2. 3. Hình ảnh một số loài thực vật trong khu rừng Đặc dụng – Phòng hộ Thuận Châu	56
Hình 2. 4. Hình ảnh một số loài động vật trong khu rừng Đặc dụng – Phòng hộ Thuận Châu	57
Hình 2. 5. Hình ảnh rừng bị gãy đổ do băng tuyết năm 2016	71
Hình 2. 6. Hội nghị tham vấn tổ chuyên gia BQL	75
Hình 2. 7. Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 phân theo đơn vị hành chính	80

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	HĐND	Hội đồng nhân dân
2	UBND	Ủy ban nhân dân
3	DA	Dự án
4	KT-XH	Kinh tế - xã hội
5	BQL	Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ Thuận Châu
6	KH	Kế hoạch
7	TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
8	LĐTB&XH	Lao động thương binh và xã hội
9	NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	QL	Quốc lộ
11	TL	Tỉnh lộ
12	QĐ	Quyết định
13	NQ	Nghị quyết
14	THCS	Trung học cơ sở
15	THPT	Trung học phổ thông
16	PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
17	QLRBV	Quản lý rừng bền vững
18	HTR	Hiện trạng rừng
19	QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
20	DLST	Du lịch sinh thái
21	HCV	Rừng có giá trị bảo tồn cao

PHẦN 1

MỞ ĐẦU

1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng

Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ Thuận Châu (sau đây viết tắt là BQL) được thành lập ngày 28/12/2018 theo Quyết định số 3278/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La trên cơ sở sáp nhập của 2 đơn vị là Ban Quản lý rừng đặc dụng Copia và Ban Quản lý rừng phòng hộ Thuận Châu. BQL nằm trên địa bàn 02 huyện Thuận Châu và Quỳnh Nhai bao gồm các xã: xã Chiềng Bôm, xã Long Hẹ, xã Co Mạ, xã Mường Bám, xã Nậm Lầu, xã Bản Lầm của huyện Thuận Châu; xã Mường Giàng, xã Mường Sại của huyện Quỳnh Nhai.

Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ Thuận Châu hiện đang quản lý sử dụng diện tích rừng và đất rừng theo quy hoạch 03 loại rừng tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 với tổng diện tích 24.728 ha, trong đó diện tích đất rừng đặc dụng là 16.312,2 ha; diện tích đất rừng phòng hộ là 8.415,8 ha.

Để quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng được giao, BQL đã tăng cường phối hợp với Hạt Kiểm lâm các huyện và chính quyền các xã, ban quản lý các bản thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý, bảo vệ, PCCCR và quản lý lâm sản. Hằng năm, BQL đã tổ chức hàng chục đợt tuyên truyền tại các xã, bản, phổ biến tầm quan trọng của đa dạng sinh học, các quy định của Luật lâm nghiệp và danh mục quản lý thực vật, động vật nguy cấp, quý hiếm và quy định về nghiêm cấm săn bắt, nuôi nhốt động vật hoang dã; ký cam kết bảo vệ rừng và thực hiện quy định về PCCCR với chính quyền và các hộ dân. Qua đó, từng bước tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người dân, những tác động tiêu cực đến rừng đã giảm đáng kể. Đồng thời, tăng cường rà soát diện tích rừng thuộc lâm phần được giao, cập nhật diễn biến tài nguyên, kiểm kê rừng làm cơ sở cho việc xác định những diện tích được chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các hộ dân ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng.

Bên cạnh đó, nhằm tạo sinh kế lâu dài, ổn định cho nhân dân, đơn vị đã tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện tốt các chính sách phát triển lâm nghiệp; tăng cường khoán khoanh nuôi bảo vệ và trồng rừng, hỗ trợ các bản vùng đệm theo chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng - phòng hộ. Từ đầu năm đến nay, sau khi được phê duyệt kinh phí, BQL đã tập trung thực hiện công tác phát triển rừng, chăm sóc rừng trồng. Chỉ đạo các nhà thầu chăm sóc 170 ha rừng trồng thay thế của các dự án; trồng và phục hồi 650 ha rừng phòng hộ, đặc dụng đầu nguồn thuộc lưu vực sông Đà, sông Mã, bảo đảm theo đúng quy định.

2. Sự cần thiết xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững

Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững là một nguyên tắc, nhiệm vụ bắt

buộc đối với tất cả các chủ rừng là tổ chức để quản lý, bảo tồn, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng. Nhiệm vụ này được quy định cụ thể trong Luật Lâm nghiệp số: 16/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019; và hướng dẫn chi tiết xây dựng phương án tại Thông tư số: 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. Thời gian thực hiện tối đa của Phương án quản lý rừng bền vững là 10 năm, kể từ khi phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý rừng bền vững còn là xu hướng tất yếu của ngành lâm nghiệp thế giới nói chung và của mỗi quốc gia nói riêng, trong đó có Việt Nam.

Nhằm cụ thể hóa, thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 về Kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 về hướng dẫn các nội dung và trình tự xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững. Xây dựng mô hình quản lý rừng bền vững là tiến tới quản lý bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên hiện có, đồng thời đảm bảo việc sử dụng tài nguyên rừng một cách lâu dài và liên tục. Cùng với sự phát triển tài nguyên rừng thông qua các hoạt động như: Trồng rừng, bảo tồn, bảo vệ rừng, làm giàu rừng,... cần có sự phát triển kết hợp các hoạt động dịch vụ, du lịch tạo việc làm thu hút lao động, từng bước nâng cao đời sống kinh tế một cách ổn định lâu dài cho cán bộ công nhân viên thực hiện việc quản lý, bảo vệ rừng và cộng đồng dân cư địa phương sinh sống gần rừng.

Do vậy, việc xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ Thuận Châu cho giai đoạn 10 năm tới là cần thiết để chỉ ra kế hoạch và giải pháp để quản lý rừng toàn diện, lâu dài và bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời phát triển du lịch sinh thái trong tương lai là rất cần thiết.

Về khách quan, xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững là thực hiện chỉ đạo của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng trong giai đoạn hiện nay.

Về chủ quan, Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ Thuận Châu xây dựng phương án quản lý rừng bền vững nhằm mục tiêu bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen quý hiếm, không làm suy giảm về môi trường sinh thái, nâng cao giá trị của rừng, sử dụng hợp lý cảnh quan, môi trường rừng tiến tới trong tương lai sẽ cho thuê môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái... góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nội dung của Phương án quản lý rừng bền vững đã tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số: 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định quản lý rừng bền vững, với những nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá hiện trạng rừng, quản lý rừng và sử dụng đất;

-
- Xác định các mục tiêu quản lý rừng và hệ sinh thái bền vững;
 - Xác định các nội dung hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và hệ sinh thái;
 - Xác định các nội dung hoạt động bảo tồn, phát triển rừng và hệ sinh thái;
 - Xác định các nội dung hoạt động sử dụng rừng, đất rừng và hệ sinh thái;
 - Xác định các giải pháp thực hiện phương án, gồm giải pháp về vốn đầu tư (tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế,...).
- Dưới đây là chi tiết các nội dung của Phương án:

Chương 1

CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương

- Luật Đa dạng sinh học (2008);
- Luật Đất đai (2013);
- Luật bảo vệ môi trường (2014)
- Luật Lâm nghiệp (2017);
- Luật Du lịch (2017);
- Luật Lao động (2019)
- Nghị quyết 22/NQ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ về ổn định dân cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường;
- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ về việc Quản về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông lâm nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
- Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng;